

Số: 02/2024/QĐST - VHNGĐ

Bố Trạch, ngày 09 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH – TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Phú Quảng.

Thư ký phiên họp: Bà Trương Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch tham gia phiên họp: Ông Lưu Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 17/2024/TLST - VHNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 về việc “Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc Hôn nhân và Gia đình số 03/2024/QĐST - VHNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và Gia đình:

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, bản tự khai của chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn L trình bày:

Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 07/11/1978 và anh Hoàng Văn L, sinh 30/4/1974 tự nguyện tìm hiểu và thiết lập quan hệ hôn nhân, đăng ký kết hôn ngày 03/7/1995 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng anh chị đã tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và làm ăn sinh sống ổn định tại xã Thanh Trạch từ đó cho đến nay. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, chồng là Hoàng Văn L đã đủ tuổi đăng ký kết hôn nhưng chị Nguyễn Thị H chưa đủ tuổi kết hôn. Do hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên anh chị tự khai sai năm sinh với cán bộ tư pháp xã để Nguyễn Thị H từ năm sinh 1978

thành năm 1975 đủ điều kiện đăng ký kết hôn. Khi đăng ký kết hôn vợ chồng anh chị chỉ khai thông tin cho cán bộ Tư pháp xã chứ không nộp giấy tờ tùy thân gì và cán bộ Tư pháp xã cũng không yêu cầu vợ chồng xuất trình giấy tờ tùy thân để kiểm tra. Khi làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh chị, cán bộ Tư pháp xã đã ghi tên, tuổi, địa chỉ theo lời khai của anh, chị. Từ khi kết hôn đến nay vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc và sinh được 03 con chung. Tuy nhiên, chị H và anh L nhận thấy việc đăng ký kết hôn năm 1995 của vợ chồng là trái pháp luật, gây ảnh hưởng đến quá trình làm thủ tục giấy tờ pháp lý cho gia đình và các con nên anh L, chị H đề nghị Tòa án huyện Bồ Trạch hủy việc đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19, ngày 03/7/1995 do Ủy ban nhân dân xã T cấp và công nhận hôn nhân hợp pháp cho vợ chồng kể từ ngày chị Nguyễn Thị H đủ tuổi đăng ký kết hôn là 08/11/1995.

Theo Sổ đăng ký kết hôn năm 1993 được lưu trữ tại UBND xã T (bản sao) mà các đương sự cung cấp cho Tòa án thể hiện tại số thứ tự 19 ngày 03/7/1995 có đăng ký kết hôn cho anh Hoàng Văn L, sinh năm 1974 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975. Ngoài sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 1993 thì UBND xã T không còn lưu trữ hồ sơ, tài liệu gì liên quan đến việc đăng ký kết hôn của anh Hoàng Văn L và chị Nguyễn Thị H. Tại thời điểm năm 1995 anh L và chị H tự kê khai thông tin cá nhân nên việc chị H cố tình khai thông tin năm sinh sai để đủ tuổi đăng ký kết hôn và không nộp kèm theo giấy tờ tùy thân để lưu trữ hồ sơ đăng ký kết hôn.

Giấy xác nhận thông tin chứng minh nhân dân, căn cước công dân của Phòng Cảnh sát quản lý Hành chính về Trật tự xã hội Công an tỉnh Quảng Bình xác nhận thông tin của công dân Nguyễn Thị H lưu trong tàng thư Căn cước công dân như sau: Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 07/11/1978. CCCD số 044178007009. Nguyên quán xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có cha là Nguyễn Tiến R và mẹ là Hoàng Thị H.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bồ Trạch phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch thụ lý yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật theo yêu cầu của anh L và chị H là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 29 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết việc dân sự kể từ khi thụ lý cho đến phiên họp hôm nay: Thẩm phán, Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng giải quyết việc dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và trình bày của các đương sự. Đề nghị áp dụng Điều 149, Điều 366, Điều 367, Điều 369, 370, 371 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; khoản 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 – 01 - 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Hủy việc kết hôn trái pháp luật theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19, ngày 03/7/1995 của Ủy ban nhân dân xã T đã cấp cho chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn L do sai ngày, tháng, năm sinh của chị H. Công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp cho chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn L từ ngày 08 tháng 11 năm 1995.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự và được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu của chị H và anh L thì đây là việc dân sự yêu cầu “Hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn hợp pháp”. Chị H và anh L cư trú tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại Điều 29 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình.

[2] Về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật: Xác định thời điểm kết hôn trên cơ sở tự nguyện giữa chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn L được thể hiện tại Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 19 ngày 03/7/1995 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc đã được thẩm tra tại phiên họp xác định được ngày tháng năm sinh đúng của chị Nguyễn Thị H là 07/11/1978, như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn chị H mới 17 tuổi còn anh L đã đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định. Căn cứ Điều 5 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986, chị Nguyễn Thị H đã vi phạm quy định về độ tuổi đăng ký kết hôn. Nay chị H và anh L yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật là có căn cứ theo quy định tại Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 nên cần được chấp nhận.

[3] Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp: Từ khi kết hôn đến nay, chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn L vẫn đang chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có con chung. Chị H và anh L đều có yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp từ thời điểm chị H đủ tuổi đăng ký kết hôn là ngày 08/11/1995. Xét thấy, tại thời điểm ngày 08/11/1995, anh L đã đủ 20 tuổi, chị H cũng đủ 18 tuổi. Như vậy, chị H và anh L đã đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986. Căn cứ khoản 2, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC - BTP ngày 06 – 01 - 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn L từ thời điểm chị Nguyễn Thị H đủ tuổi đăng ký kết hôn là ngày 08/11/1995.

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 149, Điều 366, Điều 369, 370, 371 và 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; khoản 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 – 01 - 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật: Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn L.

Hủy việc kết hôn trái pháp luật theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19, ngày 03/7/1995 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình đã cấp cho chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn L.

[2] Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp của chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn L:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn L, công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 07/11/1978 và anh Hoàng Văn L, sinh ngày 30/4/1974 kể từ thời điểm chị Nguyễn Thị H đủ tuổi đăng ký kết hôn là ngày 08/11/1995.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0002656 ngày 12/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

[4] Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định giải quyết việc dân sự đối với người có mặt. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã T;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- Lưu HS vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Phú Quảng

